

BÌNH LUẬN CHUNG SỐ 32

QUYỀN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC TÒA ÁN VÀ QUYỀN ĐƯỢC XÉT XỬ CÔNG BẰNG*

I. Các chú thích

1. Bình luận chung này thay thế Bình luận chung số 13 (phiên họp thứ 21).
2. Quyền bình đẳng trước phiên tòa và toà án và quyền được xét xử công bằng là một yếu tố quan trọng để bảo vệ quyền con người và là một phương thức thủ tục để bảo vệ pháp quyền. Điều 14 của Công ước nhằm mục tiêu đảm bảo công lý và là tiền đề để đảm bảo một loạt quyền cụ thể.
3. Điều 14 có tính chất đặc biệt phức tạp, kết hợp các đảm bảo khác nhau và phạm vi áp dụng khác nhau. Câu đầu tiên của đoạn 1 là đảm bảo chung về bình đẳng trước phiên tòa và toà án, được áp dụng bất kể bản chất của các thủ tục tố tụng của các cơ quan đó. Câu thứ hai của cùng đoạn cho phép các cá nhân được xét xử một cách công bằng và tranh tụng trước một tòa án có thẩm quyền, độc lập và không thiên vị, được thành lập theo pháp luật, nếu họ bị kết tội. Trong các thủ tục tố tụng đó, các cơ quan truyền thông và công chúng có thể không được tham dự phiên trong một số trường hợp xác định nêu ở câu thứ ba của đoạn 1. Các khoản 2 đến 5 của Điều 14 đề cập đến những bảo đảm áp dụng cho những người bị cáo buộc phạm tội. đoạn 6 đảm bảo quyền trọng yếu là được bồi thường trong trường hợp bị oan sai trong các vụ hình sự. đoạn 7 cấm việc buộc tội hai lần và do đó đảm bảo các cá nhân không bị xét xử hay trừng phạt một lần nữa cho cùng một hành vi phạm tội mà trước đó cá nhân đã bị kết án hoặc được tha bổng. Trong báo cáo của mình, các Công ước cần phân biệt rõ ràng giữa các khía cạnh khác nhau của quyền được xét xử công bằng.
4. Điều 14 yêu cầu các phải tôn trọng và việc thực hiện các bảo đảm tố tụng quy định ở Điều này, bất kể truyền thống pháp lý và pháp luật của mỗi quốc gia. Các Quốc gia phải báo cáo về quy định về những đảm bảo tố tụng đó trong hệ thống pháp luật nước mình, Ủy ban cũng lưu ý là không thể dựa hoàn toàn vào các biện pháp lập pháp để bảo đảm thực thi các bảo đảm nêu trong Điều này của Công ước.

* Phiên họp thứ 19 (2007)

5. Trong khi các điều khoản bảo lưu với những bảo đảm cụ thể ở Điều 14 có thể chấp nhận được, một điều khoản bảo lưu chung về quyền được xét xử công bằng sẽ bị coi là không tương thích với đối tượng và mục tiêu của Công ước.¹
6. Trong khi các quyền quy định trong Điều 14 không thuộc về các quyền không thể bị tạm ngừng thực hiện theo như quy định ở Điều 4 đoạn 2 của Công ước, các khi áp dụng việc tạm ngừng thực hiện quyền quy định ở Điều 14 trong những trường hợp khẩn cấp phải đảm bảo rằng hạn chế đó không được vượt quá những yêu cầu khẩn cấp của tình hình thực tế. Việc đảm bảo phiên tòa công bằng sẽ không bao giờ bị đặt điều kiện vào những phương thức vi phạm các quyền không thể vi phạm. Do đó, ví dụ toàn bộ các quyền như trong Điều 6 của Công ước là không thể vi phạm, mọi phiên tòa dẫn đến việc áp dụng án tử hình trong tình trạng khẩn cấp phải phù hợp quy định của Công ước, bao gồm tất cả các yêu cầu của Điều 14.² Tương tự, toàn bộ Điều 7 cũng không thể bị vi phạm, nếu không có phán quyết hoặc luận tội, hoặc, về nguyên tắc, bằng chứng thu được trong điều khoản này có thể được gọi là bằng chứng của thủ tục tố tụng của Điều 14, kể cả trong tình trạng khẩn cấp,³ ngoại trừ nếu một phán quyết trái với nguyên tắc của Điều 7 được sử dụng làm bằng chứng rằng có hành vi tra tấn hoặc hành vi khác do điều này cấm.⁴ Trong mọi trường hợp, ngăn cấm làm sai lệch các nguyên tắc cơ bản của xét xử công bằng, bao gồm cả giả định vô tội.⁵

II. Bình đẳng trước phiên tòa và tòa án

7. Câu đầu tiên của đoạn 1 Điều 14 bảo đảm những điều kiện về quyền bình đẳng trước phiên tòa và tòa án. Bảo đảm này không chỉ áp dụng cho các tòa án như trong trong câu thứ hai của đoạn này của điều 14, mà còn phải được áp dụng cho bất cứ cơ quan tài phán nào được quy định theo pháp luật của quốc gia.⁶
8. Quyền bình đẳng trước phiên tòa và Tòa án, trong điều kiện chung, đảm bảo những nguyên tắc được đề cập trong câu thứ hai của Điều 14, đoạn 1, tiếp cận công bằng và bình đẳng, đảm bảo rằng các bên tham gia tố tụng được đối xử không có phân biệt đối xử nào.
9. Điều 14 bao gồm quyền tiếp cận tòa án trong trường hợp xác định tội hình sự và các quyền và nghĩa vụ phù hợp với pháp luật. Tiếp cận công lý cần được đảm bảo

¹ Bình luận chung số 24 (1994) về các vấn đề liên quan đến bảo lưu được thực hiện sau khi phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước hoặc các Phần bổ sung tùy chọn, hoặc liên quan đến các tuyên bố theo Điều 41 của Ước, đoạn 8.

² Bình luận chung số 29 (2001) về Điều 4: Tạm đình chỉ thực hiện quyền trong tình trạng khẩn cấp, đoạn 15.

³ Như trên, các đoạn 7 và 15.

⁴ Công ước chống tra tấn và đối xử tàn bạo hoặc vô nhân đạo, Điều 15.

⁵ Bình luận chung số 29 (2001) về Điều 4, đoạn 11.

⁶ Thông cáo số 1015/2001, *Perterer kiện Áo*, đoạn 9(2) (thủ tục tố tụng dân sự cơ bản đối với công chức); Thông cáo số 961/2000, *Everett kiện Tây Ban Nha*, đoạn 6(4) (dẫn độ).

có hiệu quả trong mọi trường hợp để đảm bảo rằng theo thủ tục, cá nhân không bị tước quyền tiếp cận công lý. Quyền tiếp cận các phiên tòa và tòa án và bình đẳng trước tòa không chỉ giới hạn cho công dân của các của Công ước mà cho tất cả các cá nhân, bất kể có quốc tịch nước nào hay là người không quốc tịch, hoặc có bất cứ vị thế nào, ví dụ như người tị nạn, người xin tị nạn, lao động di trú, trẻ em không có người chăm sóc và những người khác mà hiện diện trên lãnh thổ quốc gia đó hoặc nằm dưới quyền tài phán của quốc gia. Nếu có tình huống một cá nhân không tiếp cận được với tòa án, thì có nghĩa là quốc gia đã không đảm bảo được, một cách chính thức hay không chính thức, quy định của Điều 14, đoạn 1, câu đầu tiên.⁷ Điều đảm bảo này cũng cấm mọi sự phân biệt về quyền tiếp cận với tòa án mà không dựa trên luật pháp và không thể biện minh bằng các căn cứ hợp lý và khách quan. Sẽ là vi phạm các bảo đảm này nếu người nào đó không thể đưa một vụ việc ra tòa với lý do chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị, dân tộc hay nguồn gốc, tài sản, nơi sinh hoặc tình trạng khác.⁸

10. Việc có hay không có trợ giúp pháp lý thường được xác định khi một người có thể hoặc không thể tiếp cận được các thủ tục tố tụng hoặc tham gia vào quá trình tố tụng một cách thực chất. Trong khi Điều 14 rõ ràng nhằm giải quyết các đảm bảo về trợ giúp pháp lý trong tố tụng hình sự theo đoạn 3 (d), các được khuyến khích cung cấp trợ giúp pháp lý miễn phí cho các cá nhân trong trường hợp mà họ không có khả năng trả tiền. Trong một số trường hợp, các quốc gia thậm chí còn có nghĩa vụ làm như vậy. Ví dụ, nếu có người bị kết án tử hình mà không đủ khả năng để trả các chi phí trợ giúp pháp lý thì Nhà nước có nghĩa vụ cung cấp trợ giúp pháp lý theo Điều 14, khoản 1, cùng với các quyền như là một biện pháp khắc phục hiệu quả được nêu tại Điều 2, khoản 3 của Công ước.⁹
11. Tương tự, việc áp dụng lệ phí với các bên tố tụng mà trên thực tế ngăn cản sự tiếp cận công lý có thể bị coi là trái với quy định tại Điều 14, khoản 1.¹⁰ Đặc biệt, theo luật thì bắt buộc phải cho bên thắng kiện sẽ được miễn các chi phí mà nếu không có các xem xét các ngụ ý hoặc không cung cấp các hỗ trợ pháp lý thì đã có thể có ảnh hưởng khác nhau tới khả năng của người đó chứng minh quyền của họ theo Công ước trong các thủ tục tố tụng họ có thể có được.¹¹

⁷ Thông cáo số 468/1991, *OLO Bahamonde kiện Guinea Xích đạo*, đoạn 9.4.

⁸ Thông cáo số 202/1986, *Ato del Avellanal kiện Peru*, đoạn 10(2). Xem thêm những Bình luận chung số 18 (1989) về không phân biệt đối xử, đoạn 7.

⁹ Xem các Thông cáo số 377/1989, *Currie kiện Jamaica*, đoạn 13,4; số 704/1996, *Shaw kiện Jamaica*, đoạn 7,6; số 707/1996, *Taylor kiện Jamaica*, đoạn 8(2); số 752/1997, *Henry kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7(6);

Số 845/1998, *Kennedy kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7,10.

¹⁰ Thông cáo số 646/1995, *Lindon kiện Úc*, đoạn 6(4).

¹¹ Thông cáo số 779/1997, *Äärelä và Näkkäljärvi kiện Phần Lan*, đoạn 7.2.

12. Quyền tiếp cận công bằng với tòa án thể hiện tại Điều 14, khoản 1 là tiếp cận về thủ tục sơ thẩm và không giải quyết quyền kháng cáo hoặc các biện pháp sửa chữa sai lầm khác¹².
13. Quyền bình đẳng trước tòa án cũng nhằm đảm bảo sự bình đẳng về quyền lực. Điều này có nghĩa là các quyền tố tụng sẽ được dành cho tất cả các bên, trừ khi có sự phân biệt được quy định bởi pháp luật và có thể giải thích một cách hợp lý và khách quan và không dẫn đến sự bất lợi hoặc bất công cho bên tố tụng khác¹³ Ví dụ, sẽ không có sự bình đẳng về quyền lực nếu chỉ có các công tố viên mà nhưng không bao gồm bị đơn được phép kháng cáo phán quyết của tòa.¹⁴ Nguyên tắc bình đẳng giữa các bên cũng được áp dụng trong tố tụng dân sự, trong đó yêu cầu mỗi bên được có cơ hội được tranh cãi và cân nhắc về bằng chứng do bên kia viện dẫn.¹⁵ Trong trường hợp đặc biệt, bị đơn nghèo cũng có thể yêu cầu sự giúp đỡ miễn phí của một thông dịch viên nếu không thể tham gia tố tụng trên cơ sở bình đẳng hoặc cần kiểm tra việc làm chứng.
14. Bình đẳng trước tòa án cũng yêu cầu các trường hợp tương tự được xử lý với thủ tục tố tụng tương tự. Ví dụ, nếu các thủ tục hình sự đặc biệt hoặc tòa án được thiết lập một cách đặc biệt để xử lý một số dạng vụ việc¹⁶ thì phải có căn cứ hợp lý và khách quan để giải thích sự khác biệt đó.

III. Xét xử công bằng và công khai bởi một tòa án độc lập, khách quan và có thẩm quyền

15. Quyền được tham dự điều trần công bằng và công khai trước tòa án có thẩm quyền, độc lập và khách quan được pháp luật đảm bảo, theo câu thứ hai của điều 14, đoạn 1, trong trường hợp liên quan đến việc xác định tội hình sự đối với cá nhân hoặc quyền và nghĩa vụ của họ phù hợp với pháp luật. Tội hình sự về nguyên tắc liên quan đến hành vi cần bị trừng phạt theo luật hình sự trong nước. Khái niệm này cũng có thể mở rộng liên quan đến các hành vi về bản chất có sự trừng phạt đó, bất kể tác động của chúng với pháp luật quốc gia, phải được coi là hình sự theo mục đích, tính chất hay mức độ nghiêm trọng.¹⁷
16. Khái niệm về xác định quyền và nghĩa vụ “phù hợp với luật pháp” (*bản chất dân sự*) thì phức tạp hơn. Có các cách diễn đạt khác nhau về thuật ngữ này mà được

¹² Thông cáo số 450/1991, *IP kiện Phần Lan*, đoạn 6.2.

¹³ Thông cáo số 1347/2005, *Dudko kiện Úc*, đoạn 7.4.

¹⁴ Thông cáo số 1086/2002, *Weiss kiện Áo*, đoạn 9,6. Một ví dụ khác về sự vi phạm các nguyên tắc bình đẳng về quyền có thể xem trong Thông cáo số 223/1987, *Robinson kiện Jamaica*, đoạn 10,4 (ngừng điều trần).

¹⁵ Thông cáo số 846/1999, *Jansen-Gielen kiện Hà Lan*, đoạn 8.2 và số 779/1997, *Äärelä và Näkkäläjärvi kiện Phần Lan*, đoạn 7.4.

¹⁶ Ví dụ, nếu loại trừ xét xử hình sự một số loại người phạm tội (xem đánh giá kết luận của Ủy ban về báo cáo Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, CCPR/CO/73/UK (2001), đoạn 18) hay một số hành vi phạm tội.

¹⁷ Thông cáo số 1015/2001, *Pertterer kiện Áo*, đoạn 9.2.

nêu ở Điều 53 Công ước, nhưng có giá trị như nhau, và các biên bản soạn thảo Công ước (*travaux préparatoires*) không giải thích sự khác biệt của các văn bản ngôn ngữ khác nhau. Ủy ban ghi chú rằng khái niệm “phù hợp với pháp luật” hoặc những khái niệm tương đương trong các văn bản ngôn ngữ khác được dựa trên vấn đề về bản chất của các quyền hơn là về tình trạng của các bên hoặc hệ thống pháp lý quốc gia khi xác định các quyền cụ thể.¹⁸ Khái niệm này bao gồm những yếu tố: (a) các thủ tục tư pháp nhằm xác định quyền và nghĩa vụ liên quan đến các lĩnh vực hợp đồng, tài sản và sai phạm về luật tư nhân, cũng như: (b) tương đương với khái niệm trong lĩnh vực luật hành chính như việc chấm dứt việc làm của công chức vì lý do khác hơn là kỷ luật¹⁹, xác định lợi ích an sinh xã hội²⁰ hoặc hưu trí của các quân nhân,²¹ hoặc các thủ tục liên quan đến việc sử dụng đất công²² hoặc chiếm đoạt tài sản tư. Ngoài ra, nó có thể (c) bao gồm các thủ tục khác, tuy nhiên, phải được đánh giá theo từng trường hợp về bản chất của các quyền.

17. Mặt khác, quyền tiếp cận với tòa án theo quy định ở Điều 14, khoản 1, câu thứ hai, không áp dụng trong pháp luật quốc gia mà luật đó không nhận bất kì quyền lợi cho đương sự. Vì lý do này, Ủy ban không áp dụng điều khoản này nếu pháp luật của không công nhận quyền được đề bạt vị trí hơn công vụ²³, để được bổ nhiệm làm thẩm phán²⁴ hoặc để cơ quan thực thi giảm tội cho án tử hình²⁵. Hơn nữa, không xác định quyền và nghĩa vụ phù hợp với luật pháp với các đương sự như công chức²⁶ đang chịu các biện pháp kiểm soát hành chính bởi cấp trên như kỷ luật mà không phải là chế tài hình sự, thành viên của quân đội, hoặc tù nhân. Hơn nữa, đảm bảo này cũng không áp dụng trong trường hợp dẫn độ, trục xuất và thủ tục trục xuất.²⁷ Mặc dù trong trường hợp không có quyền tiếp cận với tòa án theo quy định ở Điều 14, đoạn 1, câu thứ hai, và trong những trường hợp tương tự, các đảm bảo về thủ tục khác vẫn có thể áp dụng.²⁸
18. Quan niệm về “tòa án” như trong Điều 14, đoạn 1 có nghĩa là một cơ quan, bất kể tên gọi của nó, được thành lập theo pháp luật, độc lập với hành pháp và lập pháp hoặc trong trường hợp cụ thể có sự độc lập xét xử trong việc ra các phán quyết. Điều 14, khoản 1, câu thứ hai, đảm bảo quyền tiếp cận với tòa án cho tất cả những

¹⁸ Thông cáo số 112/1981, *YL kiện Canada*, các đoạn 9,1 và 9,2

¹⁹ Thông cáo số 441/1990, *Casavas kiện Pháp*, đoạn 5.2.

²⁰ Thông cáo số 454/1991, *Pons kiện Garcia Tây Ban Nha*, đoạn 9,3.

²¹ Thông cáo 112/1981, *YL kiện Canada*, đoạn 9.3.

²² Thông cáo 779/1997, *Äärelä và Näkkäläjätvi kiện Phần Lan*, các đoạn 7.2-7.4.

²³ Thông cáo số 837/1998, *Kolawski kiện Ba Lan*, đoạn 6.4.

²⁴ Thông cáo số 972/2001, *Kazantzis kiện Síp*, đoạn 6.5; số 943/2000, *Jacobs kiện Bỉ*, đoạn 8.7, và số 1396/2005, *Rivera Fernández kiện Tây Ban Nha*, đoạn 6.3.

²⁵ Thông cáo số 45/1998, *Kennedy kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7.4.

²⁶ Thông cáo số 1015/2001, *Pertterer kiện Áo*, đoạn 9,2 (kỷ luật sa thải).

²⁷ Thông cáo số 1341/2005, *Zundel kiện Canada*, đoạn 6,8, số 1359/2005, *Esposito kiện Tây Ban Nha*, đoạn 7.6

²⁸ Xem đoạn 62 dưới đây.

người bị cáo buộc phạm tội. Quyền này không bị hạn chế và việc một cơ quan nào không phải là tòa án ra bản án là vi phạm điều khoản này. Tương tự, theo ý nghĩa của điều khoản này, bất cứ khi nào các quyền và nghĩa vụ phù hợp với luật pháp cũng phải được thực hiện thông qua thủ tục tố tụng bởi một tòa án. Nếu nhà nước không thể thành lập một tòa án có thẩm quyền để xác định các quyền và nghĩa vụ hoặc cho phép tiếp cận với một tòa án như vậy trong các vụ cụ thể thì nhà nước đó đã vi phạm Điều 14, và nếu những hạn chế như vậy không dựa trên pháp luật và không có mục tiêu phù hợp về công lý, hoặc dựa trên các trường hợp ngoại lệ của luật pháp quốc tế như miễn trừ, hoặc tiếp cận ở mức độ mà sẽ làm suy yếu bản chất của quyền.

19. Các yêu cầu về thẩm quyền, tính độc lập và tính không thiên vị của tòa án theo ý nghĩa của Điều 14, đoạn 1, là một quyền tuyệt đối, không phụ thuộc vào bất kỳ trường hợp ngoại lệ nào.²⁹ Yêu cầu về tính độc lập đề cập cụ thể tới thủ tục và năng lực của việc bổ nhiệm thẩm phán, và đảm bảo an ninh của họ cho đến hết nhiệm kỳ hay đến tuổi nghỉ hưu và các điều kiện thăng tiến, chuyển chỗ, đình chỉ và chấm dứt các chức vụ của họ, và độc lập tư pháp thực sự khỏi sự can thiệp từ các tổ chức chính trị hoặc từ các ngành hành pháp và lập pháp. Các quốc gia cần áp dụng các biện pháp cụ thể để đảm bảo sự độc lập của tư pháp, bảo vệ thẩm phán từ khỏi bất kỳ ảnh hưởng chính trị nào thông qua những quy định trong Hiến pháp hoặc luật pháp để xác định những thủ tục pháp lý và tiêu chuẩn khách quan trong việc tuyển chọn, bổ nhiệm, lương, nhiệm kỳ, thăng tiến, đình chỉ và miễn nhiệm các thành viên của ngành tư pháp và việc kỷ luật đối với họ.³⁰ Trong trường hợp các chức năng và năng lực của các ngành tư pháp và hành pháp không có sự khác biệt rõ ràng hoặc trong trường hợp, à ngành hành pháp có thể chỉ đạo tư pháp là không phù hợp với khái niệm độc lập của tòa án.³¹ Cần thiết phải bảo vệ các thẩm phán khỏi những xung đột về lợi ích và các mối đe dọa. Sự độc lập của thẩm phán liên quan đến cả những vấn đề như nhiệm kỳ, an ninh, thù lao, điều kiện của dịch vụ, lương hưu và tuổi nghỉ hưu... tất cả cần phải được pháp luật đảm bảo.
20. Thẩm phán có thể bị miễn nhiệm trên cơ sở xem xét tính chất nghiêm trọng của hành vi sai trái của họ hoặc do họ thiếu năng lực để đảm bảo tính khách quan và và không thiên vị trong hoạt động nghề nghiệp theo hiến pháp hoặc pháp luật. Việc miễn nhiệm các thẩm phán bởi cơ quan hành pháp, ví dụ miễn nhiệm trước thời hạn mà không có lý do cụ thể hay sự bảo vệ tư pháp hiệu quả là không tương thích với nguyên tắc độc lập của tư pháp.³² Điều này cũng đúng với trường hợp sa thải

²⁹ Thông cáo số 263/1987, *Gonzalez del Rio kiện Peru*, đoạn 5.2.

³⁰ Đánh giá kết luận của Ủy ban về báo cáo Slovakia, CCPR/C/79/Add.79 (1997), đoạn 18.

³¹ Thông cáo số 468/1991, *OLO Bahamonde kiện Guinea Xích đạo*, đoạn 9.4.

³² Thông cáo số 814/1998, *Pastukhov kiện Belarus*, đoạn 7.3.

thẩm phán bị cáo buộc là tham nhũng mà không theo bất kỳ thủ tục pháp luật nào.

33

21. Yêu cầu về không thiên vị có hai khía cạnh. Thứ nhất, các thẩm phán không được cho phép phán quyết của họ bị ảnh hưởng bởi sự thiên vị hay thành kiến cá nhân, và cũng không được dựa trên các quan niệm có sẵn hay hành động theo cách vì lợi ích của một trong các bên tham gia mà làm của các tổn hại tới bên khác.³⁴ Thứ hai, phiên tòa phải hợp lý và khách quan. Ví dụ, phiên tòa do một thẩm phán không đủ năng lực thực hiện việc xét xử thông thường không được coi là khách quan.³⁵
22. Các quy định của Điều 14 áp dụng cho tất cả các tòa án, bao gồm các tòa thông thường, tòa đặc biệt, tòa dân sự hoặc tòa quân sự. Ủy ban cũng lưu ý rằng ở nhiều quốc gia có các tòa án quân sự hoặc tòa đặc biệt thực hiện việc xét xử dân sự. Trong khi Công ước không cấm việc các tòa đặc biệt hay tòa quân sự xét xử các vụ việc dân sự, nhưng đòi hỏi việc xét xử như vậy phải phù hợp với những yêu cầu của Điều 14 và cần đảm bảo rằng các thủ tục tố tụng không bị thay đổi theo tính chất của các tòa đó. Ủy ban cũng ghi chú rằng các vụ án dân sự được xét xử tại các tòa quân sự hoặc tòa đặc biệt³⁶ có thể dẫn đến những vấn đề nghiêm trọng liên quan đến tính công bằng, khách quan và độc lập của công lý. Vì vậy, điều cần thiết và quan trọng là phải có các biện pháp nhằm đảm bảo rằng việc xét xử được diễn ra theo những điều kiện quy định ở Điều 14. Xét xử các vụ việc dân sự bởi tòa quân sự hay tòa án đặc biệt cần được giới hạn trong những trường hợp mà chỉ khi Nhà nước giải thích được rằng việc xét xử đó là cần thiết và có lý do khách quan liên quan đến tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội của một số loại cá nhân và một số loại tội đặc biệt mà tòa dân sự thông thường không thể xét xử.³⁷
23. Một số quốc gia có thiết lập tòa án đặc biệt theo kiểu "thẩm phán không lộ mặt", ví dụ như trong việc xét xử những kẻ khủng bố. Tòa án như vậy, ngay cả khi các thẩm phán như vậy đã được công nhận bởi một cơ quan độc lập, cũng thường thấy là công chúng hay cả đại diện của người bị kết án³⁸ hay người bị kết án không được biết tới danh tính của thẩm phán và cũng không có các thủ tục tố tụng³⁹, hạn chế quyền có luật sư theo lựa chọn⁴⁰ hạn chế quyền tiếp xúc với luật sư, cụ thể là

³³ Thông cáo số 933/2000, *Mundy Busyo et al kiện Cộng hòa Dân chủ Congo*, đoạn 5.2.

³⁴ Thông cáo số 387/1989, *Karttunen kiện Phần Lan*, đoạn 7.2.

³⁵ Hồ sơ trên.

³⁶ Cũng xem Công ước Geneva về bảo vệ thường dân trong xung đột vũ trang năm 1949, Điều 64 và Bình luận chung số 31 (2004) về *Bản chất của các nghĩa vụ pháp lý chung với các quốc gia thành viên của Công ước*, đoạn 11.

³⁷ Thông cáo số 1172/2003, *Madani kiện Algérie*, đoạn 8.7.

³⁸ Thông cáo số 1298/2004, *Becerra Barney kiện Colombia*, đoạn 7.2.

³⁹ Thông cáo số 577/1994, *Polay Campos kiện Peru*, đoạn 8.8; số 678/1996, *Gutiérrez Vivanco kiện Peru*, đoạn 7.1; số 1126/2002, *Carranza Alegre kiện Peru*, đoạn 7.5.

⁴⁰ Thông cáo số 678/1996, *Gutiérrez Vivanco kiện Peru*, đoạn 7.1.

bị giam riêng⁴¹, đe dọa với luật sư⁴² không đủ thời gian để chuẩn bị vụ kiện⁴³, hoặc hạn chế hoặc từ chối quyền triệu tập và thẩm tra nhân chứng, bao gồm cấm kiểm tra chéo các nhân chứng, ví dụ cảnh sách có trách nhiệm bắt giữ và thẩm vấn bị đơn.⁴⁴ Tòa án có hay không có các thẩm phán vô danh, trong những trường hợp như vậy không đáp ứng được tiêu chuẩn của xét xử công bằng, và cụ thể là yếu cầu về tòa án độc lập và không thiên vị⁴⁵

24. Điều 14 cũng phù hợp khi một nhà nước có quy định thiết lập tòa án trên cơ sở luật tập quán, hoặc tòa án tôn giáo làm chức năng tư pháp. Những tòa như vậy không thể có phán quyết bắt buộc được nhà nước công nhận, trừ trường hợp đáp ứng được các yêu cầu sau: thủ tục tố tụng trước tòa chỉ liên quan đến vấn đề dân sự và hình sự nhỏ, đáp ứng được các yêu cầu về xét xử công bằng và các đảm bảo phù hợp khác của Công ước, và các phán quyết được các tòa án nhà nước khác xác nhận theo những đảm bảo của Công ước và có thể bị các bên liên quan thách thức về thủ tục như trong điều 14 của Công ước. Các nguyên tắc này không khác biệt với những quy định chung của nhà nước nhằm bảo vệ quyền như trong Công ước mà không bị tác động của các tòa án tôn giáo hay xét xử có tính tập quán.
25. Khái niệm xét xử công bằng bao gồm đảm bảo có điều trần công khai và công bằng. Công bằng trong thủ tục tố tụng là việc không có những ảnh hưởng gián tiếp và trực tiếp, áp lực hay gợi ý hay áp đặt của bất cứ phía nào, nhằm bất cứ mục đích nào với việc xét xử. Ví dụ, phiên tòa sẽ không được coi là công bằng nếu bị cáo phải đối mặt với thái độ thù địch từ phía công chúng hay bởi một bên trong phòng xử án mà có thể ảnh hưởng tới quyền bào chữa⁴⁶. Nếu người xét xử⁴⁷ thể hiện thái độ phân biệt, thành kiến về chủng tộc không thể chấp nhận được tại tòa án thì cũng là vi phạm với nguyên tắc xét xử công bằng.
26. Điều 14 chỉ đảm bảo công bằng và bình đẳng về thủ tục và không được hiểu là đảm bảo tòa án có thẩm quyền không có vi phạm.⁴⁸ Nhìn chung thì tòa án của các đánh giá các thực tế và chứng cứ, hoặc áp dụng các quy định pháp luật trong từng trường hợp cụ thể, trừ khi những đánh giá hay áp dụng đó rõ ràng thiên vị hoặc dẫn đến hành vi sai lầm hoặc vi phạm công lý. Trường hợp khác là tòa án vi phạm tư

⁴¹ Thông cáo số 577/1994, *Polay Campos kiện Peru*, đoạn 8.8; số 1126/2002, *Carranza Alegre kiện Peru*, đoạn 7.5.

⁴² Thông cáo số 1058/2002, *Vargas Mas kiện Peru*, đoạn 6.4.

⁴³ Thông cáo số 1125/2002, *Quispe Roque kiện Peru*, đoạn 7.3.

⁴⁴ Thông cáo số 678/1996, *Gutiérrez Vivanco kiện Peru*, đoạn 7.1; số 1126/2002, *Carranza Alegre kiện Peru*, đoạn 7.5; số 1125/2002, *Quispe Roque kiện Peru*, đoạn 7.3; số 1058/2002, *Vargas Mas kiện Peru*, đoạn 6.4.

⁴⁵ Thông cáo số 577/1994, *Polay Campos kiện Peru*, đoạn 8.8; số 678/1996, *Gutiérrez Vivanco kiện Peru*, đoạn 7.1

⁴⁶ Thông cáo số 770/1997, *Gridin kiện Liên bang Nga*, đoạn 8.2.

⁴⁷ Thông cáo số 3/1991, *Narrainen kiện Na-uy*, đoạn 9.3.

⁴⁸ Thông cáo số 273/1988, *B.d.B. kiện Hà Lan*, đoạn 6.3; số 1097/2002, *Martínez Mercader et al kiện Tây Ban Nha*, đoạn 6.3

cách về tính độc lập và không thiên vị.⁴⁹ Những tiêu chuẩn đó cần áp dụng cho tất cả các thẩm phán và những người trong bồi thẩm đoàn.⁵⁰

27. Một khía cạnh quan trọng của phiên tòa công khai là tính chất nhanh chóng. Vấn đề xét xử không chậm trễ trong tố tụng hình sự được đề cập trong khoản 3 (c) của Điều 14, theo đó, sự chậm trễ trong thủ tục tố tụng mà không thể biện minh bởi sự phức tạp của vụ án hoặc những hành vi của các bên là trái với nguyên tắc xét xử công bằng theo đoạn 1 của Điều này.⁵¹ Trong trường hợp chậm trễ này là do thiếu nguồn lực thì cần bổ sung ngân sách cho thực thi pháp luật.⁵²
28. Tất cả các xét xử vụ hình sự liên quan tới luật pháp phải được thực hiện trên nguyên tắc tranh tụng công khai tại phiên tòa. Phiên tòa công khai đảm bảo sự minh bạch của các thủ tục tố tụng và do đó có ý nghĩa quan trọng để bảo vệ lợi ích của các cá nhân và của toàn xã hội. Tòa án phải cung cấp thông tin về thời gian và địa điểm của phiên tòa cho công chúng và cung cấp những cơ sở đủ để đảm bảo sự tham dự của các thành viên quan tâm trong công chúng, trong giới hạn thời gian hợp lý và có tính đến những yêu cầu và thời gian xét xử⁵³. Yêu cầu một phiên tòa công khai không nhất thiết phải áp dụng cho tất cả các phiên tòa phúc thẩm⁵⁴ của tòa án hoặc của các cơ quan tài phán khác.⁵⁵
29. Điều 14 khoản 1 ghi nhận rằng tòa án có quyền xử kín, không cho phép sự tham gia của tất cả hay một phần công chúng vì những lý do đạo đức, trật tự công cộng (*ordre public*) hoặc an ninh quốc gia trong một xã hội dân chủ, hoặc khi cần thiết để bảo đảm tính riêng tư của các bên, hoặc khi đặc biệt cần thiết nhằm đảm bảo những ý kiến của tòa không bị thành kiến do ảnh hưởng của công luận. Ngoài những trường hợp đặc biệt, các phiên tòa cần được mở công khai cho công chúng, bao gồm giới truyền thông, tham dự, không được giới hạn cho một số người cụ thể. Trong trường hợp không cho công chúng tham dự phiên tòa thì phán quyết và các phát hiện, chứng cứ và lý giải pháp lý cần được công khai trừ khi có yêu cầu cụ thể liên quan đến đối tượng là vị thành niên, hoặc các thủ tục liên quan đến tranh chấp về tài sản hôn nhân hoặc giám hộ trẻ em.

IV. Giả định vô tội

⁴⁹ Thông cáo số 1188/2003, *Riedl-Riedenstein và những người khác kiện CHLB Đức*, đoạn 7.3; số 886/1999,

Bondarenko kiện Belarus, đoạn 9.3; số 1138/2002, *Arenz và những người khác kiện CHLB Đức*, đoạn 8.6.

⁵⁰ Thông cáo số 253/1987, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 5.13; số 349/1989, *Wright kiện Jamaica*, đoạn 8.3.

⁵¹ Thông cáo số 203/1986, *Hermoza kiện Peru*, đoạn 11.3 ; số 514/1992, *Fei kiện Colombia*, đoạn 8.4 .

⁵² Xem đánh giá kết luận của Ủy ban về báo cáo của CHDC Công gô, CCPR/C/COD/CO/3 (2006), đoạn 21; của Cộng hòa Trung Phi, CCPR//C/CAF/CO/2 (2006), đoạn 16.

⁵³ Thông cáo số 215/1986, *Van Meurs kiện Hà Lan*, đoạn 6.2.

⁵⁴ Thông cáo số 301/1988, *R.M. kiện Phần Lan*, đoạn 6.4.

⁵⁵ Thông cáo số 819/1998, *Kavanagh kiện Ai-len*, đoạn 10.4.

30. Theo Điều 14 đoạn 2, mọi người bị buộc tội hình sự thì có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh có tội theo pháp luật. Các giả định vô tội, mà là yếu tố cơ bản cho việc bảo vệ quyền con người, yêu cầu việc khởi tố phải có bằng chứng phạm tội, đảm bảo không ai bị kết tội nếu không chứng minh được những nghi ngờ với người đó, và đảm bảo rằng bị cáo có quyền được coi là vô tội và các vụ án hình sự cần được xử lý theo nguyên tắc này. Điều này cũng đặt ra trách nhiệm với các cơ quan công quyền không được có định kiến về kết quả xét xử, ví dụ như việc thông báo cho công chúng khẳng định bị cáo có tội trước khi xét xử.⁵⁶ Không được phép xiềng xích hoặc nhốt bị cáo trong khi xét xử hoặc đối chất trước tòa theo cách thức coi họ như là những kẻ phạm tội hình sự nguy hiểm. Hơn nữa, thời gian tạm giữ không nên thể hiện tính chất phạm tội và mức độ phạm tội.⁵⁷ Việc bị cáo không có tiền bảo lãnh⁵⁸ hay phải chịu trách nhiệm trong tố tụng dân sự⁵⁹ không ảnh hưởng tới nguyên tắc giả định vô tội.

V. Quyền của người bị buộc tội

31. Quyền của tất cả những người bị buộc tội là được thông báo kịp thời và chi tiết bằng một ngôn ngữ mà họ hiểu về bản chất và nguyên nhân của tội danh đó. Quyền này được nêu tại khoản 3 (a), là một trong những bảo đảm tối thiểu trong tố tụng hình sự nêu ở Điều 14. Bảo đảm này áp dụng cho tất cả những bị can, bị cáo trong các vụ việc hình sự, bao gồm những người không bị tạm giam nhưng trong dạng bị điều tra hình sự trước khi bị kết tội.⁶⁰ Bảo đảm việc thông báo về lý do bắt giữ cũng được đề cập riêng tại Điều 9 Khoản 2 của Công ước.⁶¹ Quyền được thông báo "kịp thời" yêu cầu thông tin được cung cấp ngay sau khi bên liên quan bị chính thức kết tội hình sự theo nội luật⁶², hay công chúng biết tới cá nhân đó là có tội. Những yêu cầu cụ thể nêu ở khoản 3 (a) có thể được đáp ứng bằng hình thức thông báo bằng lời - nếu sau này được xác nhận bằng văn bản - hoặc bằng văn bản, trong đó chứa đựng thông tin về cơ sở buộc tội dựa trên luật và sự thực. Điều 14 khoản 3 (a) yêu cầu trong trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo tòa án vẫn phải thực hiện các biện pháp để thông báo cho bị cáo về những thủ tục tố tụng.⁶³

32. Khoản 3 (b) quy định rằng bị cáo phải có đầy đủ thời gian và điều kiện để chuẩn bị cho việc bào chữa và liên hệ với luật sư mà họ lựa chọn. Điều khoản này là một

⁵⁶ Thông cáo số 770/1997, *Gridin kiện Liên bang Nga*, các đoạn 3.5 và 8.3.

⁵⁷ Xem đánh giá kết luận của Ủy ban về báo cáo của Italy, CCPR/C/ITA/CO/5 (2006), đoạn 14 và Argentina, CCPR/CO/70/ARG (2000), đoạn 10.

⁵⁸ Thông cáo số 788/1997, *Cagas, Butin và Astillero kiện Philippines*, đoạn 7.3.

⁵⁹ Thông cáo số 207/1986, *Moraël kiện Pháp*, đoạn 9.5; số 408/1990, *W.J.H. kiện Hà Lan*, đoạn 6.2; số 432/1990, *W.B.E. kiện Hà Lan*, đoạn 6.6.

⁶⁰ Thông cáo số 1056/2002, *Khachatryan kiện Armenia*, đoạn 6.4.

⁶¹ Thông cáo số 253/1987, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 5.8.

⁶² Thông cáo số 1128/2002, *Márques de Morais kiện Angola*, đoạn 5.4 và số 253/1987, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 5.8.

⁶³ Thông cáo số 16/1977, *Mbenge kiện Zaire*, đoạn 14.1.

yếu tố quan trọng của việc đảm bảo xét xử công bằng và áp dụng các nguyên tắc bình đẳng quyền lực.⁶⁴ Trong trường hợp một bị đơn không có khả năng chi trả thì tòa án phải cung cấp một thông dịch viên miễn phí trong giai đoạn trước xét xử và khi xét xử.⁶⁵ Thời gian chuẩn bị như thế nào là đủ phụ thuộc vào từng vụ. Luật sư có thể trong một số trường hợp xin hoãn xét xử nếu thấy chưa đủ thời gian chuẩn bị việc bào chữa.⁶⁶ không có trách nhiệm về năng lực của luật sư bào chữa, trừ khi, nó thể hiện cho thấy phán là hành vi của luật sư không phù hợp với công lý.⁶⁷ Tòa án chỉ có thể ra quyết định hoãn xét xử khi bị đơn bị kết tội hình sự nghiêm trọng và cần thời gian chuẩn bị cho việc bào chữa.⁶⁸

33. "Điều kiện đầy đủ" bao gồm quyền tìm kiếm các tài liệu, chứng cứ khác; việc tiếp cận này bao gồm các tài liệu liên quan đến việc khởi tố⁶⁹ và thông tin có thể dùng để bào chữa. Các tài liệu dung để bào chữa được hiểu không những bao gồm tài liệu để chứng minh sự vô tội mà cả các bằng chứng khác có thể giúp bào chữa (ví dụ, lời thú tội không tự nguyện). Trong trường hợp có phản đối về chứng cứ thu được là vi phạm Điều 7 của Công ước, thông tin về hoàn cảnh thu thập chứng cứ đó cần được cung cấp để đánh giá khiếu nại đó. Nếu bị đơn không sử dụng ngôn ngữ dùng trong xét xử nhưng được một luật sư thành thạo ngôn ngữ đó đại diện thì cũng có thể chấp nhận được nếu luật sư đó có thể tiếp cận được các tài liệu thích hợp của vụ án.⁷⁰
34. Quyền tiếp xúc với luật sư đòi hỏi các bị cáo phải được tạo điều kiện tiếp cận với luật sư. Luật sư cần được phép gặp riêng khách hàng và trao đổi với bị cáo trong bối cảnh đảm bảo tính bí mật của các trao đổi.⁷¹ Hơn nữa, các luật sư cần có quyền được tư vấn và đại diện cho bị cáo theo nguyên tắc về đạo đức nghề nghiệp mà không có bất cứ sự hạn chế, tác động, áp lực hay can thiệp nào.
35. Quyền của bị cáo được xét xử không có sự chậm trễ theo như quy định tại Điều 14 khoản 3 (c) không chỉ nhằm tránh việc giữ một cá nhân quá lâu trong tình trạng không chắc chắn về số phận của họ mà còn để đảm bảo công lý. Thời gian tạm giam thế nào là hợp lý cần được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể của từng vụ

⁶⁴ Thông cáo số 282/1988, *Smith kiện Jamaica*, đoạn 10.4; các số 226/1987 và 256/1987, *Sawyers, Mclean và Mclean kiện Jamaica*, đoạn 13.6.

⁶⁵ Xem Thông cáo số 451/1991, *Harward kiện Na-uy*, đoạn 9.5

⁶⁶ Thông cáo số 1128/2002, *Morais kiện Angola*, đoạn 5.6; số 349/1989, *Wright kiện Jamaica*, đoạn 8.4; số 272/1988, *Thomas kiện Jamaica*, đoạn 11.4; số 230/87, *Henry kiện Jamaica*, đoạn 8.2; các số 226/1987 và 256/1987, *Sawyers, Mclean và Mclean kiện Jamaica*, đoạn 13.6.

⁶⁷ Thông cáo số 1128/2002, *Márques de Morais kiện Angola*, đoạn 5.4.

⁶⁸ Thông cáo số 913/2000, *Chan kiện Guyana*, đoạn 6.3; số 594/1992, *Phillip kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7.2.

⁶⁹ Xem đánh giá kết luận của Ủy ban về báo cáo của Canada, CCPR/C/CAN/CO/5 (2005), đoạn 13.

⁷⁰ Thông cáo số 451/1991, *Harward kiện Na-uy*, đoạn 9.5.

⁷¹ Thông cáo số 1117/2002, *Khomidova kiện Tajikistan*, đoạn 6.4; số 907/2000, *Siragev kiện Uzbekistan*, đoạn 6.3; số 770/1997, *Gridin kiện Liên bang Nga*, đoạn 8.5.

việc,⁷² có tính đến tính chất phức tạp của vụ án, hành vi của bị cáo và cách thức mà các cơ quan hành pháp và tư pháp xử lý vụ việc. Trong những vụ án mà bị cáo không được phép tại ngoại, họ cần được xét xử một cách nhanh chóng nhất.⁷³ Đảm bảo này không những liên quan đến thời gian bị cáo bị kết tội và thời gian bắt đầu xét xử, mà còn thời gian cho đến khi kháng cáo.⁷⁴ Mọi thủ tục như vậy, kể cả trong xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, đều cần được tiến hành nhanh chóng, không chậm trễ.

36. Điều 14 khoản 3 (d) bao gồm ba loại đảm bảo. Thứ nhất, điều khoản này cho phép bị cáo có quyền có mặt trong thời gian xét xử. Bị cáo có thể vắng mặt trong một số trường hợp nếu việc đó không ảnh hưởng đến công lý, tức là khi bị cáo, mặc dù được thông báo về thủ tục tố tụng đầy đủ trước đó vẫn từ chối thực hiện quyền có mặt trong phiên tòa của họ. Do đó, việc xét xử chỉ tuân thủ theo quy định ở Điều 14, đoạn 3 (d) nếu đã thực hiện các biện pháp cần thiết có triệu tập bị cáo một cách kịp thời và thông báo cho họ trước về ngày, nơi xét xử và yêu cầu họ tham gia.⁷⁵
37. Thứ hai, quyền của mọi bị cáo tự mình bào chữa hoặc thông qua luật sư do họ chọn và được thông báo về quyền của họ như nêu ở Điều 4 đoạn 3 (b) đề cập tới hai loại bào chữa không giống nhau. Người có luật sư có quyền chỉ thị cho luật sư tham gia và thay mặt họ trong quá trình tố tụng. Đồng thời, Công ước cũng nêu rõ ràng là cho phép bị cáo tự bào chữa hay với sự trợ giúp pháp lý do họ chọn, do vậy bị cáo có thể từ chối sự hỗ trợ của luật sư. Tuy nhiên, quyền tự bào chữa không cần luật sư không có tính tuyệt đối. Để bảo đảm lợi ích của công lý, tòa án có thể, trong những vụ việc cụ thể, yêu cầu bổ nhiệm một luật sư không theo ý muốn của bị cáo, đặc biệt trong trường hợp khi bị cáo liên tục cản trở việc thực hiện xét xử hoặc phạm tội nặng mà không có khả năng bào chữa để bảo vệ lợi ích của họ, hoặc khi cần thiết để bảo vệ những người làm chứng khỏi bị tổn thương hay lo lắng nếu họ bị bị cáo chất vấn. Tuy nhiên, bất kỳ hạn chế nào về quyền tự bào chữa của bị cáo cũng cần có lý do hợp lý và khách quan và không vượt quá sự cần thiết thực thi công lý. Do vậy, pháp luật của các quốc gia cần tránh ngăn cản tuyệt đối quyền tự bào chữa không có trợ giúp của luật sư trong tố tụng hình sự.⁷⁶
38. Thứ ba, Điều 14 khoản 3 (d) về quyền có trợ giúp pháp lý cho bị cáo nhằm đảm bảo lợi ích của công lý và không yêu cầu phải trả tiền nếu họ không có khả năng

⁷² Thông cáo số 818/1998, *Sextus kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7.2; số 537/1993, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 5.11; số 676/1996, *Yasemn và Thomas kiện Guyana*, đoạn 7.11; số 938/2000, *Siewpersaud, Sukhram và Persaud kiện Trinidad và Tobago*.

⁷³ Thông cáo số 818/1998, *Sextus kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7.2.

⁷⁴ Thông cáo số 1089/2002, *Rouse kiện Philippines*, đoạn 7.4; số 1085/2002, *Taright, Touadi, Remli và Yousfi kiện Algeria*, đoạn 8.5.

⁷⁵ Thông cáo số 16/1977, *Mbenge kiện Zaire*, đoạn 14.1; số 699/1996, *Maleki kiện Italy*, đoạn 9.3.

⁷⁶ Thông cáo số 1123/2002, *Correia de Matos kiện Portugal*, các đoạn 7.4 và 7.5.

chi trả cho chi phí đó. Mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội là yếu tố quan trọng khi quyết định có cần bổ nhiệm một luật sư để đảm bảo lợi ích công lý hay không⁷⁷ và để bảo đảm cơ hội khách quan của bị cáo trong quá trình tố tụng.⁷⁸ Trong trường hợp liên quan đến án tử hình, các bị cáo phải được trợ giúp hiệu quả của một luật sư trong mọi giai đoạn tố tụng.⁷⁹ Luật sư do cơ quan có thẩm quyền cung cấp trên cơ sở của điều khoản này cần đại diện và hỗ trợ hiệu quả cho bị cáo. Không như trong các trường hợp thuê luật sư riêng,⁸⁰ việc luật sư do cơ quan có thẩm quyền cung cấp thể hiện những ứng xử thiếu trách nhiệm, không đủ năng lực⁸¹ hay vắng mặt trong khi thẩm vấn nhân chứng⁸² thì có thể quy trách nhiệm cho nhà nước về vi phạm quy định tại Điều 14 khoản 3 (d), vì rõ ràng là hành vi của luật sư không thích hợp với các lợi ích công lý.⁸³ Cũng có thể bị coi là vi phạm điều khoản này nếu các cơ quan chức năng ngăn cản luật sư không cho họ làm việc hiệu quả.⁸⁴

39. Khoản 3 (e) Điều 14 bảo đảm quyền của bị cáo được xem xét hoặc thẩm vấn những nhân chứng chống lại họ và yêu cầu bảo đảm sự có mặt và thẩm vấn các nhân chứng bảo vệ họ tương tự như những điều kiện đối với nhân chứng chống lại họ. Xét nguyên tắc bình đẳng về quyền, đảm bảo có ý nghĩa quan trọng để bị cáo và luật sư có thể bào chữa hiệu quả và đảm bảo bị cáo có quyền năng pháp lý yêu cầu sự có mặt, kiểm chứng và đối chứng với nhân chứng của bị cáo giống với nhân chứng của bên buộc tội. Tuy nhiên, đây không phải là quyền không bị hạn chế; tòa án có thể quyết định chấp nhận liệu nhân chứng có thích hợp cho việc bào chữa hay không và bị cáo có cơ hội thích đáng để hỏi và chất vấn nhân chứng chống lại họ trong một số quá trình tố tụng. Việc hạn chế quyền này là vi phạm Điều 7,⁸⁵ do đó, pháp luật quốc gia đầu tiên cần quy định rõ ràng về việc chấp nhận nhân chứng, chứng cứ và đánh giá chứng cứ.
40. Quyền có sự giúp đỡ miễn phí của một thông dịch viên nếu bị cáo không thể hiểu hoặc nói ngôn ngữ được sử dụng tại tòa án theo quy định ở Điều 14 khoản 3 (f) làm rõ hơn một khía cạnh khác của nguyên tắc công bằng và bình đẳng về quyền

⁷⁷ Thông cáo số 646/1995, *Lindon kiện Australia*, đoạn 6.5.

⁷⁸ Thông cáo số 341/1988, *Z.P. kiện Canada*, đoạn 5.4.

⁷⁹ Thông cáo số 985/2001, *Aliboeva kiện Tajikistan*, đoạn 6.4; số 964/2001, *Saidova kiện Tajikistan*, đoạn 6.8; số 781/1997, *Aliiev kiện Ukraine*, đoạn 7.3; số 554/1993, *LaVende kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 58.

⁸⁰ Thông cáo số 383/1989, *H.C. kiện Jamaica*, đoạn 6.3.

⁸¹ Thông cáo số 253/1987, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 9.5.

⁸² Thông cáo số 838/1998, *Hendricks kiện Guyana*, đoạn 6.4; số 775/1997, *Brown kiện Jamaica*, đoạn 6.6.

⁸³ Thông cáo số 705/1996, *Taylor kiện Jamaica*, đoạn 6.2; số 913/2000, *Chan kiện Guyana*, đoạn 6.2; số 980/2001, *Hussain kiện Mauritius*, đoạn 6.3.

⁸⁴ Thông cáo số 917/2000, *Arutyunyan kiện Uzbekistan*, đoạn 6.3.

⁸⁵ Xem đoạn 6 ở trên.

trong tố tụng hình sự.⁸⁶Quyền này áp dụng trong mọi giai đoạn của tố tụng hình sự. Quyền này cũng áp dụng cho cả người nước ngoài và công dân. Tuy nhiên, bị cáo có ngôn ngữ mẹ đẻ khác với ngôn ngữ sử dụng của tòa sẽ không được quyền có trợ giúp về ngôn ngữ miễn phí nếu họ đủ khả năng hiểu ngôn ngữ sử dụng tại tòa.⁸⁷

41. Cuối cùng, Điều 14 khoản 3 (g) đảm bảo quyền không phải làm chứng chống lại chính mình hoặc phải tự thú nhận tội. Đảm bảo này cần được hiểu theo nghĩa không có sự can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc áp lực tâm lý từ các cơ quan điều tra đối với bị can nhằm ép cung. Không chấp nhận đối xử với bị can theo cách trái với Điều 7 của Công ước để buộc bị can phải thú tội.⁸⁸ Pháp luật quốc gia phải đảm bảo rằng các lời nói hoặc lời nhận tội thu được trái với nguyên tắc của Điều 7 Công ước không được coi là chứng cứ, trừ khi chúng được sử dụng làm bằng chứng của việc tra tấn hoặc những đối xử khác trái với quy định này⁸⁹; do đó, trách nhiệm của nhà nước là phải đảm bảo rằng những lời khai của bị cáo là do họ tự nguyện.⁹⁰

VI. Người chưa thành niên

42. Điều 14 khoản 4 yêu cầu trong trường hợp người chưa thành niên, các thủ tục cần tính đến độ tuổi của họ và thúc đẩy sự tái hòa nhập của họ vào cộng đồng. Người chưa thành niên cần có những bảo đảm và bảo vệ tối thiểu giống như với người trưởng thành như nêu ở Điều 14 của Công ước. Ngoài ra, người chưa thành niên cần được bảo vệ đặc biệt trong tố tụng hình sự, cụ thể là được thông báo trực tiếp về tội danh cáo buộc với họ, và nếu thích hợp, với cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của họ; được cung cấp những hỗ trợ thích hợp để chuẩn bị và trình bày sự bào chữa; được xét xử càng sớm càng tốt trong một phiên tòa công khai có sự hiện diện của luật sư bào chữa và được có những hỗ trợ thích hợp khác liên quan đến cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp, trừ khi những hành động đó không được xem là vì lợi ích tốt nhất của trẻ. Cần tránh đến mức có thể việc tạm giam người chưa thành niên.⁹¹
43. Các cần có các biện pháp để thiết lập hệ thống tư pháp người thành niên để đảm bảo rằng người chưa thành niên đang được đối xử một cách phù hợp với độ tuổi

⁸⁶ Thông cáo số 219/1986, *Guesdon kiện Pháp*, đoạn 10.2.

⁸⁷ Tài liệu trên.

⁸⁸ Thông cáo số 1208/2003, *Kurbo kiện Tajikistan*, các đoạn 6.2, 6.3, 6.4; số 1044/2002, *Shukurova kiện Tajikistan*, các đoạn 8.2, 8.3; số 1033/2001, *Singarasa kiện Sri Lanka*, đoạn 7.4; số 912/2000, *Deolall kiện Guyana*, đoạn 5.1; số 253/1987, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 5.5.

⁸⁹ Xem Công ước chống tra tấn, các Điều 15. Cũng xem Điều 7 của Công ước và đoạn 6 ở trên.

⁹⁰ Thông cáo số 1033/2001, *Singarasa kiện Sri Lanka*, đoạn 7.4; số 253/1987, *Kelly kiện Jamaica*, đoạn 7.4.

⁹¹ Xem Bình luận chung số 17 (1989) về Điều 24 (Quyền của trẻ em), đoạn 4.

của họ. Điểm quan trọng là phải xác lập một tuổi tối thiểu mà dưới tuổi đó, trẻ em và người chưa thành niên không bị xét xử về hình sự.

44. Bất cứ khi nào thích hợp cũng cần áp dụng các biện pháp xử lý khác thay thế cho tố tụng hình sự để giải quyết các vụ việc làm trái pháp luật của người chưa thành niên, ví dụ như hòa giải giữa người vi phạm và người bị hại, hội ý với gia đình của người vi phạm, tư vấn hoặc cung cấp những dịch vụ cộng đồng hoặc các chương trình giáo dục người vi phạm... miễn là các biện pháp đó tương thích với các yêu cầu của Công ước này và các tiêu chuẩn quốc tế khác về quyền con người.

VII. Xem xét lại bởi tòa án cấp cao hơn

45. Điều 14 đoạn 5 của Công ước quy định rằng bất cứ ai bị kết án là phạm tội đều có quyền đưa phán quyết đó lên xem xét theo pháp luật bởi một tòa án cao hơn. Bảo đảm này phải được áp dụng trong mọi trường hợp chứ không chỉ trong những trường hợp phạm tội nặng. Cụm từ "theo pháp luật" trong điều khoản này hàm ý quyền này phải được quy định trong pháp luật quốc gia. Luật pháp quốc gia có thể xác định các hình thức mà tòa án cấp cao hơn có thể đánh giá lại các vụ án⁹², và cũng như tòa án nào có trách nhiệm tiến hành các thẩm định lại theo như Công ước. Điều 14 đoạn 5 không yêu cầu đáp ứng mọi khiếu nại,⁹³ tuy nhiên, nếu pháp luật quốc gia cho phép khiếu nại, bị cáo cần phải được tiếp cận hiệu quả với các tòa án cấp cao hơn⁹⁴.
46. Điều 14 khoản 5 không áp dụng cho mọi thủ tục xác định quyền và nghĩa vụ theo luật pháp⁹⁵ hoặc bất kỳ thủ tục khác không phải là một phần trong quá trình kháng cáo hình sự, chẳng hạn như đề nghị về sửa đổi hiến pháp.⁹⁶
47. Có thể coi là vi phạm Điều 14 đoạn 5 không chỉ trong trường hợp khi phán quyết của tòa án sơ thẩm được coi là cuối cùng, mà còn khi bản án do tòa phúc thẩm đưa ra⁹⁷ hoặc một tòa án có thể ra phán quyết cuối cùng⁹⁸ mà không thể được xem xét bởi một tòa án cấp cao hơn. Nếu tòa án cấp cao nhất đã ra phán quyết lần đầu và không có quyền được xem xét lại thì đó là một cơ chế không tương thích với Công ước, trừ khi đã đặt điều khoản bảo lưu⁹⁹.
48. Quyền của những người bị kết án và buộc tội được xem xét bởi một tòa án cấp cao hơn theo như quy định ở Điều 14 đoạn 5 buộc các nhà nước có trách nhiệm

⁹² Thông cáo số 1095/2002, *Gomariz Valera kiện Tây Ban Nha*, đoạn 7.1; số 64/1979, *Salgar de Montejo kiện Colombia*, đoạn 10.4.

⁹³ Thông cáo số 1089/2002, *Rouse kiện Philippines*, đoạn 7.6.

⁹⁴ Thông cáo số 230/1987, *Henry kiện Jamaica*, đoạn 8.4.

⁹⁵ Thông cáo số 450/1991, *I.P. kiện Phần Lan*, đoạn 6.2.

⁹⁶ Thông cáo số 352/1989, *Douglas, Gentles và Kerr kiện Jamaica*, đoạn 11.2.

⁹⁷ Thông cáo số 1095/2002, *Gomariz Valera kiện Tây Ban Nha*, đoạn 7.1.

⁹⁸ Thông cáo số 1073/2002, *Terrón kiện Tây Ban Nha*, đoạn 7.4.

⁹⁹ Tài liệu trên.

xem xét, trên cơ sở có đầy đủ bằng chứng và trên cơ sở pháp luật, các kết án và cáo buộc trên cơ sở phù hợp với thủ tục tố tụng và theo bản chất của vụ việc.¹⁰⁰ Các đánh giá chỉ giới hạn ở khía cạnh pháp lý và tính chính thống của việc kết án mà không tính sự thực là không phù hợp với Công ước.¹⁰¹ Tuy nhiên, Điều 14 khoản 5 không yêu cầu xử lại hay điều trần¹⁰² nếu tòa phúc thẩm có thể xem xét các sự thật. Do vậy, ví dụ một tòa án cấp cao hơn xem lại các luận cứ chống lại bị cáo một cách chi tiết, tòa sẽ xem xét các chứng cứ trong xét xử sơ thẩm và viện dẫn trong phúc thẩm, và thấy rằng có đủ các chứng cứ về tội danh trong trường hợp cụ thể, thì sẽ không phải là vi phạm Công ước.¹⁰³

49. Quyền xem xét lại các bản án chỉ có thể được thực hiện có hiệu quả nếu người bị kết án có quyền tiếp cận với bản án của tòa sơ thẩm¹⁰⁴ và cả các hồ sơ khác, ví dụ như biên bản xét xử, mà cần thiết để chuẩn bị cho việc kháng cáo có hiệu quả.¹⁰⁵ Quyền này cũng có thể bị vi phạm nếu tòa cấp cao chậm trễ trong việc tiến hành việc xem xét lại, trong trường hợp này là không phù hợp với quy định ở đoạn 3 (c) của Điều 14.¹⁰⁶
50. Một hệ thống giám sát được áp dụng chỉ khi các phán quyết đã bắt đầu được thi hành nhưng không đáp ứng được yêu cầu của điều 14 khoản 5, bất kể liệu đánh giá đó do người bị cáo yêu cầu hay phụ thuộc vào quyền hạn đặc biệt của thẩm phán hay công tố viên.¹⁰⁷
51. Quyền kháng cáo là đặc biệt quan trọng trong các trường hợp án tử hình. Nếu tòa từ chối trợ giúp pháp lý xem xét lại bản án tử hình của một bị cáo không có khả năng chi trả cho việc bào chữa là vi phạm quy định của Điều 14 khoản 3 (d), và đồng thời là quy định ở Điều 14 khoản 5.¹⁰⁸ Quyền yêu cầu phúc thẩm cũng bị vi phạm nếu bị đơn không được thông báo về ý định cho phép luật sư của họ được

¹⁰⁰ Thông cáo số 1100/2002, *Bvaajevsky kiện Belarus*, đoạn 10.13; số 985/2001, *Aliboeva kiện Tajikistan*, đoạn 6.5; số 973/2001, *Khalilova kiện Tajikistan*, đoạn 7.5; số 623-627/1995, *Domukovsky và những người khác kiện Georgia*, đoạn 18.11; số 964/2001, *Saidova kiện Tajikistan*, đoạn 6.5; số 802/1998, *Rogerson kiện Australia*, đoạn 7.5; số 662/1995, *Lumley kiện Jamaica*, đoạn 7.3.

¹⁰¹ Thông cáo số 701/1996, *Gómez Vázquez kiện Tây Ban Nha*, đoạn 11.1

¹⁰² Thông cáo số 1110/2002, *Rolvo kiện Philippines*, đoạn 4.5; số 984/2001, *Juma kiện Australia*, đoạn 7.5; số 536/1993, *Perera kiện Australia*, đoạn 6.4.

¹⁰³ Thông cáo số 1156/2003, *Pérez Escobar kiện Tây Ban Nha*, đoạn 3; số 1389/2005, *Bertelli Gálvez kiện Tây Ban Nha*, đoạn 4.5.

¹⁰⁴ Thông cáo số 903/1999, *Van Hulst kiện Hà Lan*, đoạn 6.4; số 709/1996, *Bailey kiện Jamaica*, đoạn 7.2; số 663/1995, *Morrison kiện Jamaica*, đoạn 8.5.

¹⁰⁵ Thông cáo số 662/1995, *Lumley kiện Jamaica*, đoạn 7.5.

¹⁰⁶ Thông cáo số 845/1998, *Kennedy kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7.5; số 818/1998, *Sextus kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 7.3; Số 750/1997, *Daley kiện Jamaica*, đoạn 7.4; số 665/1995, *Brown và Parish kiện Jamaica*, đoạn 9.5; số 614/1995, *Thomas kiện Jamaica*, đoạn 9.5; số 590/1994, *Bennet kiện Jamaica*, đoạn 10.5.

¹⁰⁷ Thông cáo số 1100/2002, *Bvajejvsky kiện Belarus*, đoạn 10.13; số 836/1998, *Gelazauskas kiện Lithuania*, đoạn 7.2

¹⁰⁸ Thông cáo số 554/1993, *La Vende kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 5.8

tranh tụng trước tòa, do vậy không cho họ cơ hội có đại diện để bào chữa tại cấp phúc thẩm.¹⁰⁹

VIII. Bồi thường trong trường hợp oan sai

52. Theo Khoản 6 Điều 14 của Công ước, bồi thường theo pháp luật phải được áp dụng với người đã bị kết án và chịu thi hành án và nếu bản án của họ bị thay đổi hoặc họ đã được ân xá trên cơ sở có chứng cứ mới ghi nhận có oan sai.¹¹⁰ Các cần có các quy định pháp lý đảm bảo rằng việc bồi thường và thực hiện bồi thường trong thời hạn hợp lý theo quy định tại điều khoản này.

53. Bảo đảm này vẫn được áp dụng nếu việc không đưa ra các bằng chứng về oan sai là do một phần hay toàn bộ lỗi của bị cáo. Trong những trường hợp đó trách nhiệm thu thập chứng cứ là của nhà nước, hơn nữa, nếu phán quyết được đưa ra trong quá trình kháng cáo, tức là trước khi có phán quyết cuối cùng,¹¹¹ hoặc đã có ân xá do lý do nhân đạo hoặc đặc biệt theo tính chất của bản án, hoặc đã có xem xét công bằng, thì điều đó không ngụ ý là có oan sai.¹¹²

IX. Không xét xử hai lần vì cùng một tội (*Ne bis in idem*)

54. Điều 14 khoản 7 của Công ước ghi nhận nguyên tắc *Ne Bis In Idem*, có nghĩa là không ai bị xét xử và trừng phạt lại vì một tội danh mà họ đã bị tuyên án hoặc được tha bổng theo luật và theo thủ tục hình sự của mỗi nước. Điều khoản này cấm đưa một người mà trước đây đã bị tuyên án hoặc được tha về cùng một tội danh ra trước cùng một tòa án một lần nữa, hay trước một tòa án khác với cùng một tội danh. Do vậy, ví dụ, một người được miễn tội bởi một tòa án dân sự sẽ không thể bị xử lại với cùng tội danh đó trước tòa quân sự hay tòa án đặc biệt.

55. Việc tuyên lại một hình phạt với quân nhân lặp lại sự phản đối mệnh lệnh của chỉ huy trong quân đội có thể là coi là hình phạt với cùng một tội, nếu việc phản đối đó dựa trên cùng một lý do.¹¹³

56. Sẽ không bị coi là vi phạm quy định ở Điều 14 khoản 7 trong trường hợp một tòa án cấp cao hơn huỷ bỏ bản án và ra lệnh xét xử lại.¹¹⁴ Hơn nữa, nó không ngăn cấm việc xét xử lại trong một số trường hợp đặc biệt, ví dụ như phát hiện thêm chứng cứ mới mà có thể giúp miễn tội cho bị cáo.

¹⁰⁹ Thông cáo số 750/1997, *Daley kiện Jamaica*, đoạn 7.5; số 680/1996, *Gallimore kiện Jamaica*, đoạn 7.4; số 668/1995, *Smith và Stewart kiện Jamaica*, đoạn 7.3; số 928/2000, *Sooklal kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 4.10.

¹¹⁰ Thông cáo số 963/2001, *Uebergang kiện Australia*, đoạn 4.2; số 880/1999, *Irving kiện Australia*, đoạn 8.3; số 408/1990, *W.J.H. kiện Hà Lan*, đoạn 6.

¹¹¹ Thông cáo số 880/1999, *Irving kiện Australia*, đoạn 8.4; số 868/1999, *Wilson kiện Philippines*, đoạn 6.6.

¹¹² Thông cáo số 89/1981, *Muhonen kiện Phần Lan*, đoạn 11.2.

¹¹³ Xem các Báo cáo của Nhóm Công tác của Liên hợp quốc về giam giữ tùy tiện số 36/1999 (về Thổ Nhĩ Kỳ), E/CN.4/2001/14/Add. 1, đoạn 9 và số 24/2003 (về Israel), E/CN.4/2005/6/Add. 1, đoạn 30.

¹¹⁴ Thông cáo số 277/1988, *Terán Jijón kiện Ecuador*, đoạn 5.4.

57. Bảo đảm này áp dụng cho hành vi phạm tội hình sự nhưng không áp dụng với các biện pháp kỷ luật mà không phải là một hành vi phạm tội hình sự theo quy định ở Điều 14 của Công ước.¹¹⁵ Hơn nữa, không áp dụng nguyên tắc *Ne Bis In Idem* khi vụ việc liên quan đến hệ thống tư pháp của hai hay nhiều hơn quốc gia.¹¹⁶ Tuy vậy, điều này cần hiểu là các quốc gia cần nỗ lực hạn chế việc xét xử hai lần cho cùng một tội danh theo các Công ước quốc tế về nhân quyền.¹¹⁷

X. Mối liên hệ giữa Điều 14 và các quy định khác của Công ước

58. Là một trong số các đảm bảo về tố tụng hình sự, Điều 14 của Công ước đóng một quan trọng vai trò trong việc thực hiện những bảo đảm về quyền của Công ước và cần được hiểu trong bối cảnh tố tụng hình sự. Điều 14 có liên quan đến các quyền được nêu ở Điều 2 khoản 3 của Công ước. Điều 2 khoản 3 của Công ước cần phải được tôn trọng bất cứ khi nào những bảo đảm nêu ở Điều 14 bị vi phạm.¹¹⁸ Tuy nhiên, quyền được một tòa án cấp cao hơn xem xét lại bản án theo quy định ở Điều 14 khoản 5 của Công ước có tính chất cụ thể hơn so với quy định ở Điều 2 khoản 3.¹¹⁹

59. Trong trường hợp xét xử các vụ án tử hình, đảm bảo về xét xử công bằng là đặc biệt quan trọng. Việc không tôn trọng nguyên tắc của Điều 14 khi xét xử các vụ án tử hình cấu thành sự vi phạm quyền được sống nêu ở Điều 6 của Công ước.¹²⁰

60. Việc ép cung là sự vi phạm cả Điều 7 của Công ước trong đó quy định về cấm tra tấn, đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo và Điều 14 khoản 3 (g) trong đó cấm bắt buộc bị cáo phải thú nhận hay nhận tội.¹²¹

61. Nếu một nghi phạm bị giam giữ trên cơ sở Điều 9 của Công ước mà bị kết án không qua xét xử thì hành động này vi phạm cả quy định ở Điều 9 khoản 3, và Điều 14 khoản 3 (c) của Công ước.¹²²

62. Các đảm bảo về thủ tục nêu ở Điều 13 của Công ước bao gồm việc xét xử nhanh chóng như nêu ở Điều 14¹²³. Nếu luật pháp quốc gia cho phép một cơ quan tư

¹¹⁵ Thông cáo số 1001/2001, *Gerardus Strik kiện Hà Lan*, đoạn 7.3

¹¹⁶ Thông cáo số 692/1996, *A.R.J. kiện Australia*, đoạn 6.4; số 204/1986, *A.P. kiện Italy*, đoạn 7.3.

¹¹⁷ Xem Quy chế Rô-mê về Tòa án Hình sự quốc tế, Điều 20, khoản 3.

¹¹⁸ Thông cáo số 1033/2001, *Singarasa kiện Sri Lanka*, đoạn 7.4; số 823/1998, *Czernin kiện Czech Republic*, đoạn 7.5.

¹¹⁹ Thông cáo số 1073/2002, *Terrón kiện Tây Ban Nha*, đoạn 6.6.

¹²⁰ Thông cáo số 1044/2002, *Shakurova kiện Tajikistan*, đoạn 8.5 (vi phạm điều 14 khoản 1 và 3 (b), (d) và (g)); số 915/2000, *Ruzmetov kiện Uzbekistan*, đoạn 7.6 (vi phạm điều 14, khoản 1, 2 và 3 (b), (d), (e) và (g)); số 913/2000, *Chan kiện Guyana*, đoạn 5.4 (vi phạm điều 14 khoản 3 (b) và (d)); số 1167/2003, *Rayos kiện Philippines*, đoạn 7.3 (vi phạm điều 14 khoản 3(b)).

¹²¹ Thông cáo số 1044/2002, *Shakurova kiện Tajikistan*, đoạn 8.2; số 915/2000, *Ruzmetov kiện Uzbekistan*, các đoạn 7.2 và 7.3; số 1042/2001, *Boimurodov kiện Tajikistan*, đoạn 7.2, và những vụ khác vi phạm Điều 7. Xem đoạn 6 và 41 ở trên.

¹²² Thông cáo số 908/2000, *Evans kiện Trinidad và Tobago*, đoạn 6.2; số 838/1998, *Hendricks kiện Guayana*, đoạn 6.3.

pháp quyết định việc trục xuất thì cần tôn trọng đảm bảo về bình đẳng cho mọi người trước tòa và tòa án như nêu ở Điều 14 khoản 1.¹²⁴ Tuy nhiên, mọi đảm bảo phù hợp của Điều 14 chỉ áp dụng khi việc trục xuất được thực hiện dưới hình thức là một chế tài hình sự hoặc khi phạt về vi phạm lệnh trục xuất theo luật hình sự.

63. Các thủ tục tố tụng hình sự áp dụng có thể ảnh hưởng đến việc thi hành và thụ hưởng các quyền và bảo đảm của Công ước mà không liên quan đến Điều 14. Do đó, ví dụ, việc chờ giải quyết một cáo trạng về tội hình sự trong nhiều năm đối với một nhà báo vì tội đã đăng một số bài báo là vi phạm Điều 14 khoản 3 (c) có thể làm cho bị cáo sống trong tình trạng bất ổn và đó cũng là một cách hạn chế quyền tự do ngôn luận vi phạm Điều 19 của Công ước.¹²⁵ Tương tự, chậm thực hiện thủ tục tố tụng hình sự trong vài năm là trái với quy định ở Điều 14 khoản 3 (c), và vi phạm quyền cá nhân được rời khỏi đất nước của họ theo đảm bảo ở Điều 12 khoản 2 của Công ước, nếu bị cáo bị buộc phải ở lại trong nước để chờ thụ lý.¹²⁶
64. Cũng liên quan đến quyền được tiếp cận với dịch vụ công theo các điều khoản chung về bình đẳng như trong Điều 25 (c) của Công ước, việc miễn nhiệm thẩm phán là vi phạm điều khoản này và có thể cũng vi phạm đảm bảo theo Điều 14 khoản 1 về độc lập tư pháp.¹²⁷
65. Các luật về thủ tục tố tụng hoặc việc áp dụng của các luật đó mà khác với những tiêu chí nêu trong Điều 2 khoản 1 hoặc Điều 26, hoặc với nguyên tắc bình đẳng nam nữ theo như Điều 3 không chỉ vi phạm các quy định đã nêu mà còn vi phạm những yêu cầu của Điều 14 khoản 1, trong đó nêu rằng “mọi người đều bình đẳng trước tòa và tòa án”.¹²⁸

¹²³ Thông cáo số 1051/2002, *Ahani kiện Canada*, đoạn 10.9. số 961/2000, *Everett kiện Tây Ban Nha*, đoạn 6.4; số 1438/2005, *Taghi Khadje kiện Hà Lan*, đoạn 6.3.

¹²⁴ Thông cáo số 961/2000, *Everett kiện Tây Ban Nha*, đoạn 6.4.

¹²⁵ Thông cáo số 909/2000, *Mujuwana Kankanamge kiện Sri Lanka*, đoạn 9.4.

¹²⁶ Thông cáo số 263/1987, *Gonzales del Rio kiện Peru*, đoạn 5.2 và 5.3.

¹²⁷ Thông cáo số 933/2000, *Mundy Busyo và những người khác kiện CHDC Công gô*, đoạn 5.2; số 814/1998, *Pastukhov kiện Belarus*, đoạn 7.3.

¹²⁸ Thông cáo số 202/1986, *Ato del Avellanal kiện Peru*, các đoạn 10.1 và 10.2.